

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 453/2024/DS-PT  
Ngày 09-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi  
và vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;  
Ông Trần Quốc Vũ;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 382/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; HKTT: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nơi tạm trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn C, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị N làm chủ hụi, bà có tham gia 05 dây hụi của bà N, cụ thể như sau:

Dây hội tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 09/8/2019 (AL), bà tham gia 02 phần đóng được 19 kỳ với số tiền là 76.000.000 đồng; Dây hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 15/10/2019 (AL), bà tham gia 02 phần, đóng được 17 kỳ với tổng số tiền là 34.000.000 đồng; Dây hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 10/1/2020 (AL), bà tham gia 01 phần, đóng được 15 kỳ với số tiền là 15.000.000 đồng; Dây hội tháng 2.000.000 đồng khai ngày 10/1/2020 (AL), bà tham gia 06 phần, đóng được 14 kỳ với số tiền là 56.000.000 đồng; Dây hội tháng 2.000.000 khai ngày 06/8/2020 (AL), bà đóng được 07 kỳ với tổng số tiền là 21.000.000 đồng. Tổng cộng tiền hội bà đã đóng cho bà N là 168.780.000 đồng.

Ngoài ra, bà N còn vay tiền của bà nhiều lần, thông qua hình thức châu hội, cụ thể như sau: Ngày 10/01/2020 bà N vay 42.800.000 đồng; Ngày 02/3/2020 bà N vay 42.800.000 đồng; Ngày 06/8/2020 bà N vay 51.200.000 đồng; Ngày 15/10/2020 bà N vay 25.480.000 đồng. Tổng cộng tiền bà N vay là 162.282.000 đồng.

Từ năm 2021, bà N bỏ địa phương đi, không rõ đi đâu, làm gì. Nay, bà yêu cầu bà N, ông C cùng có nghĩa vụ trả tiền nợ hội và vay cho bà tổng cộng là 331.060.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tự khai ngày 25/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu bà và ông Lê Văn C (chồng bà) trả số tiền hội 364.280.000 đồng, bà không đồng ý vì việc bà L cung cấp các giấy khai hội cho Tòa án không ghi rõ họ và tên của chủ hội. Bà không xác định được bà L có phải là hội viên của dây hội do bà làm thảo hội hay không.

*Tại bản tự khai ngày 20/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N, ông không biết việc bà L tham gia hội của bà N cho đến khi ngưng hội, bà N bỏ nhà đi ông mới biết. Hàng ngày ông đi làm đánh bắt cá từ 05 giờ sáng đến trưa về nhà và vào vườn chăm sóc vườn cây ăn trái nên không biết việc bà N làm thảo hội. Mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do bà N quản lý. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu ông cùng với bà N trả tiền hội, tiền vay cho bà L thì ông không đồng ý.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị L số tiền hội, tiền vay là 331.060.000 (ba trăm ba mươi một triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng. Ghi nhận, bà L không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 03-6-2024, ông Lê Văn C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông liên đới trả tiền hụi cùng với bà N vì ông không biết việc chơi hụi của bà N, không sử dụng tiền hụi chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu của gia đình.

- Ngày 03-6-2024, bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N; căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn, bà Nguyễn Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do bị coi là từ bỏ kháng cáo; căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N và ông C là vợ chồng, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, ông bà chưa ly hôn nên căn cứ Điều 15 Luật cư trú thì địa chỉ này là nơi cư trú của vợ chồng bà N, ông C. Bà N tổ chức hụi năm 2019, tháng 4/2021 bà N bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho người khởi kiện biết địa chỉ mới. Sau khi biết bị khởi kiện, bà N cung cấp cho toà án thông tin đang tạm trú tại tỉnh Đồng Nai và yêu cầu chuyển thẩm quyền. Bà N thừa nhận đi sang tỉnh Đồng Nai để bán vé số, còn ông C cho rằng không biết bà N đi đâu nhưng cũng không thông báo với cơ quan chức năng để tìm kiếm, cho thấy mục đích thay đổi nơi cư trú của bà N chỉ nhằm giấu địa chỉ, gây khó khăn cho nguyên đơn và cơ quan tiến hành tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 tiếp tục giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặt khác, căn cứ điểm a, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn cũng có quyền lựa chọn toà án nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, nơi bị đơn có tài sản hoặc

nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn C thấy rằng:

Trong vụ án này, ông C không thừa nhận biết việc bà N làm chủ thảo hụi nhưng lời khai của ông C tại Biên bản lấy lời khai ngày 26-4-2024 (bút lục 26) trong vụ án thụ lý số 32/2024/DS-ST ngày 15-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B thì ông C thừa nhận biết việc bà N làm chủ thảo hụi nhưng cho rằng tiền hụi do bà N quản lý, không mua sắm gì trong gia đình; sau khi nợ người khác thì bà N bỏ đi đâu ông không rõ; trong đơn kháng cáo, ông C lại trình bày không biết việc bà N làm chủ thảo hụi. Còn bà N thì trình bày tại cấp sơ thẩm rằng không nhớ bà B có tham gia hụi do bà làm chủ hay không, không nhớ có giao danh sách hụi, ghi sổ hụi cho hụi viên hay không, không biết mục đích mở hụi để làm gì, lí do bà bỏ đi khỏi địa phương là vì sử dụng tiền của ông C nhiều; bà N cũng không phản đối các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Tại đơn kháng cáo, bà N lại cho rằng các hụi viên tham gia hụi nhưng không cung cấp được danh sách hụi viên, không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc giao nhận tiền hụi, không thừa nhận là chủ hụi, không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong sổ hụi và yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký. Xét thấy, lời trình bày của bà N và ông C có mâu thuẫn với nhau và không phù hợp với thực tế, nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm trả nợ và trốn tránh trách nhiệm liên đới giữa vợ chồng. Cấp sơ thẩm xét xử buộc ông C có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền hụi cho bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà N, ông C là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 110/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 466, 471, Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị L số tiền hụi, tiền vay là 331.060.000 (ba trăm ba mươi một triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng. Ghi nhận, bà L không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị L cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm dân sự.

Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà L số tiền 9.107.000 (chín triệu một trăm lẻ bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp tại biên lai thu số 0008732 ngày 20/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TTN;
- TAND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Mai**